

Bản án số: 727/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 12 - 2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Kh

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 585/2024/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2024/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp VP, xã VP, huyện GR, tỉnh KG.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp VP, xã VP, huyện GR, tỉnh KG.

(Anh Th, chị H có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2024 nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H được sự mai mối tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001, nhưng không đăng ký hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không phù hợp tính ý với nhau, bất đồng về quan điểm sống không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục các khuyết điểm. Nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Th xét thấy hôn nhân giữa anh Th và chị H không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Th, chị H có với nhau hai người con chung gồm: Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 14/7/2003 và Nguyễn Kh B, sinh ngày 04/9/2006. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2024 bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị H xác nhận lời trình bày của anh Th về hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay anh Th yêu cầu được ly hôn chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Trần Thị H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp VP, xã VP, huyện GR, tỉnh KG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Th chị H được sự mai mối tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận anh Th chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008892 ngày 29/10/2024, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh Th đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008892 ngày 29/10/2024, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th, chị Trần Thị H vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

